TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/DS-ST
Ngày 04-8-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Thanh Tâm

Bà Trần Thúy Kiều

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Hiền-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Lê Hồng Như-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2023/TLST- DS ngày 15-5-2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐXXST-DS ngày 29-6-2023 giữa các đương sự:

- <u>*Nguyên đơn*</u>: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (*sau đây viết tắt là Ngân hàng B*); Địa chỉ: Tòa nhà Thaiholding, Số 210 đường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy T-Chuyên viên Khách hàng thuộc Ngân hàng B-Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng-Phòng Giao dịch L. (có mặt)

- <u>*Bị đơn*</u>: Ông Tiền Tấn D, sinh năm 2000 và bà Phan Thị P, sinh năm 1970; Cùng cư trú: ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Tiền Tấn D và bà Phan Thị P đã thỏa thuận Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD57D202000128 ngày 20-7-2020 với Ngân hàng B - Phòng Giao dịch L, Chi nhánh Sóc Trăng, cụ thể như sau: số tiền vay là 35.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng; phương thức cho vay là từng lần; thời

hạn vay là 48 tháng; kỳ hạn trả nợ gốc là 48 kỳ, 47 kỳ đầu mỗi kỳ trả 729.000 đồng, kỳ cuối trả 737.000 đồng, trả hàng tháng vào ngày 15, kỳ trả đầu tiên là 17-8-2020, lãi suất cho vay là 17%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ thay đổi trong thời hạn vay 03 tháng/lần, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm. Tài sản bảo đảm là giữ hộ tài sản Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 628571 do Sở Tài nguyên-Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 31-01-2019 cho bà Phan Thị P.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, thì ông D và bà P đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên. Ngân hàng cũng đã nhiều lần làm việc và lập biên bản nhưng ông D và bà P vẫn không thực hiện.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tiền Tấn D và bà Phan Thị P phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký, tạm tính đến ngày 01-8-2023, cụ thể như sau: tiền nợ vốn gốc và lãi 24.060.850 đồng, trong đó: tiền nợ vốn gốc là 18.926.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.231.970 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.696.273 đồng và tiền lãi phạt vi phạm là 206.607 đồng cùng tiền lãi phát sinh (mức lãi suất theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng) tính từ ngày 02-8-2023 cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ cho Ngân hàng. Đồng thời, rút lại yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Đối với bị đơn là bà Phan Thị P và ông Tiền Tấn D đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, còn bị đơn chưa chấp hành đúng quy định.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, bị đơn là bà Phan Thị P và ông Tiền Tấn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách và không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bà Phan Thị P và ông Tiền Tấn D.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị P và ông Tiền Tấn D có nơi cư trú tại xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng thanh toán tiền nợ vay theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD57D202000128 ngày 20-7-2020 nên đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và Tòa án nhân dân huyện Long Phú đã thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm g Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ông Tiền Tấn D và bà Phan Thị P. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên căn cứ Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Đối với bị đơn là bà Phan Thị P và ông Tiền Tấn D sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà P và ông D nhưng bà P và ông D không có kiến gì hay gửi văn bản cho Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên họp và phiên hòa giải nên điều này cho thấy bị đơn đã tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như trình bày ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ Khoản 2, Khoản 4 Điều 91; Điều 93; Điều 95 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là có giá trị dùng làm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là hợp pháp và tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[5]. Tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ ngày 16-7-2020 và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD57D202000128 ngày 20-7-2020 có chữ ký và ghi họ tên của bà P với ông D là người vay, đây được xem là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B là hợp pháp theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nên có đủ căn cứ xác định giữa bà P và ông D với Ngân hàng B thực tế có giao kết hợp đồng, việc giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, về hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, Hợp đồng tín dụng nêu trên là hợp pháp, các đương sự đều có quyền và nghĩa vụ như nhau khi giao kết hợp đồng nên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Theo nội dung hợp đồng tín dụng, thể hiện Ngân hàng B có cho bà P và ông D vay số tiền là 35.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng; phương thức cho vay là cho vay từng lần; thời hạn vay là 48 tháng; kỳ hạn trả nợ gốc là 48 kỳ, 47 kỳ đầu mỗi kỳ trả 729.000 đồng, kỳ cuối trả 737.000 đồng, trả hàng tháng vào ngày 15, kỳ trả đầu tiên là 17-8-2020. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 01-8-2023 thì bà P và ông D còn nợ Ngân hàng tiền nợ gốc là 18.926.000

đồng nhưng vẫn không tiếp tục thanh toán nợ cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Do đó, bà P và ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận tại Điều 4, Điều 7; Điều 8 và Điều 9 của Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD57D202000128 ngày 20-7-2020 nên Ngân hàng B có quyền yêu cầu bà P và ông D thanh toán nợ cho Ngân hàng theo quy định tại Khoản 1 Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[6]. Về tiền lãi: Theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD57D202000128 ngày 20-7-2020, lãi suất cho vay là 17%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ thay đổi trong thời hạn vay 03 tháng/lần, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả (lãi phạt vi phạm) do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm. Xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng thì bà P và ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ lãi cho Ngân hàng B nên Ngân hàng yêu cầu bà P và ông D thanh toán tiền nợ lãi tính đến ngày 01-8-2023 gồm: tiền lãi trong hạn là 3.231.970 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.696.273 đồng và tiền lãi phạt vi phạm là 206.607 đồng và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tính từ ngày 02-8-2023 cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 91 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 13, Điều 14 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Từ những căn cứ và nhận đinh nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ vay của hợp đồng tín dụng là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Trả lại Ngân hàng Bưu điện tiền tạm ứng án phí là 543.843 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006917 ngày 12-5-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

[8]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm g Khoản 1 Điều 40; Khoản 1 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng

Dân sự.

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Buộc bà Phan Thị P và ông Tiền Tấn D thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD57D202000128 ngày 20-7-2020, tổng số tiền nợ vốn gốc và lãi vay là 24.060.850 đồng, trong đó: tiền nợ vốn gốc là 18.926.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.231.970 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.696.273 đồng và tiền lãi phạt vi phạm là 206.607 đồng.

Kể từ ngày 02-8-2023, bà Phan Thị P và ông Tiền Tấn D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD57D202000128 ngày 20-7-2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà Phan Thị P và ông Tiền Tấn D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phan Thị P và ông Tiền Tấn D phải chịu là 1.203.043 đồng.

Hoàn trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần B tiền tạm ứng án phí là 543.843 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006917 ngày 12-5-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được

sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Bảo Quốc